



**CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010**



Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM**

Tên tiếng Anh: **NAGAKAWA VIETNAM JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt: **NAGAKAWA**

Mã chứng khoán: **NAG**

Trụ sở chính: **Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thị xã Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc**

Điện thoại: **(84-211) 3 873 568** Fax: **(84-211) 3 873 569**

Website: www.nagakawa.com.vn

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 2500217389 cấp thay đổi lần thứ 05 ngày 10 tháng 2 năm 2011)

1. NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG.

Năm 2002:

Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam – Tiền thân là Công ty Liên doanh Nagakawa Việt Nam thành lập năm 2002 tại Tỉnh Vĩnh Phúc, tên giao dịch NAGAKAWA VIETNAM JOINT VENTURE COMPANY, là công ty liên doanh giữa:

- Bên Việt Nam: Công ty Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ, trụ sở tại số 44B phố Hàng



Bún, Hà Nội, Việt Nam. Công ty Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ góp 51% vốn pháp định, tương đương 765.000 đô la Mỹ.

- Bên nước ngoài: Công ty TNHH HUAGAO AIR CONDITIONING EQUIPMENTS, trụ sở tại Songxia Industrial Zone, Songgang Town, Namahi City, Quảng Đông, Trung Quốc. Bên nước ngoài góp 49% vốn pháp định, tương đương 735.000 đô la Mỹ.

Năm 2007:

Công ty Liên doanh Nagakawa Việt Nam chính thức chuyển đổi hình thức sở hữu thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 21/03/2007 UBND tỉnh Vĩnh Phúc. Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 21/03/2007.

Năm 2009:

Ngày 03/08/2009, Công ty cổ phần Nagakawa Việt Nam nhận được công văn số 411/TB-SGDHN của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận về nguyên tắc cho Công ty cổ phần Nagakawa được Phát hành cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày 22/09/2009 Công ty cổ phần Nagakawa Việt Nam chính thức niêm yết 10 triệu cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Đây là mốc son quan trọng đánh dấu một bước ngoặt lịch sử trong quá trình phát triển của Nagakawa Việt Nam.

Năm 2010:

Ngày 25/09/2010, Công ty cổ phần Nagakawa Việt Nam nhận được quyết định số số 651/QĐ-SGDHN của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận chấp thuận cho CTCP Nagakawa Việt Nam được niêm yết bổ sung 1.000.000 cổ phiếu phát hành trả cổ tức năm 2009 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2010/NQ-ĐHĐCĐ.

Năm 2011:

Ngày 16/02/2011 Sở GDCK Hà Nội đã có quyết định số 70/QĐ-SGDHN chấp thuận cho CTCP Nagakawa Việt Nam được niêm yết bổ sung 2.500.000 cổ phiếu phát hành theo Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 762/UBCK-GCN.

Những thành tích tiêu biểu của công ty:

- Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt năm 2009,2010 một trong 200 thương hiệu tiêu biểu của Doanh nghiệp Việt Nam.
- Giải thưởng TH nổi tiếng quốc gia 2010, Doanh nhân xuất sắc Việt cho TGD Mai Thanh Phương.
- Giải thưởng chất lượng quốc gia năm 2010 do Cục Tiêu chuẩn chất lượng đo lường cấp.
- Giải thưởng Thương hiệu Chứng khoán uy tín 2009



- Chứng nhận 1 trong 500 thương hiệu mạnh và uy tín do Trung tâm uy tín và phát triển thương hiệu Việt chứng nhận.
- Huy chương vì sự nghiệp phát triển Công nghiệp Việt Nam 2007.
- Cúp vàng Topten ngành hàng thương hiệu việt uy tín – chất lượng năm 2007.
- Cúp Sen vàng - Giải thưởng Thương hiệu mạnh và phát triển bền vững năm 2007.
- Huy chương vàng chất lượng sản phẩm hội chợ công nghiệp quốc tế năm 2006.
- Cúp vàng thương hiệu công nghiệp Việt Nam năm 2006.
- Cúp vàng thương hiệu công nghiệp hàng đầu Việt Nam năm 2006.
- Đơn vị xuất sắc năm 2006 – UBND tỉnh Vĩnh Phúc trao tặng.
- Huy chương vàng chất lượng sản phẩm kỳ hội chợ triển lãm quốc tế hàng công nghiệp tại Việt Nam năm 2004.
- Cúp vàng thương hiệu Công Nghiệp Việt Nam – 2004
- Giải thưởng doanh nhân thành đạt năm 2006 – Bộ Công nghiệp trao tặng.





2. Giới thiệu về công ty

2.1. Giới thiệu chung

- Tên Công ty **CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM**
- Tên tiếng Anh **NAGAKAWA VIETNAM JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt **NAGAKAWA**

- Logo



- Vốn điều lệ **135.000.000.000 đồng**
(Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng)
- Địa chỉ **Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thị xã Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc**
- Điện thoại **(84-211) 3 873 568**
- Fax **(84-211) 3 873 569**
- Email info@nagakawa.com.vn
- Website www.nagakawa.com.vn

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 2500217389 cấp thay đổi lần thứ 05 ngày 10 tháng 2 năm 2011)



2.2. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất đồ điện dân dụng
- Sản xuất điều hòa không khí
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
- Xây nhà các loại
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Xây dựng công trình công ích
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Phá dỡ
- Chuẩn bị mặt bằng
- Sản xuất và mua bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
- Sản xuất và mua bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
- Sản xuất và mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
- Sản xuất và mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
- Sản xuất và mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY TẠI VĨNH PHÚC





2.3. Tình hình hoạt động:

CHỈ TIÊU	Năm 2009 <i>ĐVT: đồng</i>	Năm 2010 <i>ĐVT: đồng</i>	% tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	211.578.096.244	276.619.491.701	130,7
Doanh thu thuần	236.241.612.937	320.711.490.077	135,7
Lợi nhuận từ HĐKD	12.226.375.455	13.138.726.417	107,4
Lợi nhuận trước thuế	12.388.425.829	12.254.390.581	98,9
Lợi nhuận sau thuế	12.388.425.829	10.944.112.752	88,3
Tỷ lệ trả cổ tức/mệnh giá			
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

2.4. Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Sản phẩm	Năm 2009		Năm 2010	
	Giá trị <i>(triệu đồng)</i>	Tỷ trọng (%)	Giá trị <i>(triệu đồng)</i>	Tỷ trọng (%)
Nhóm: Điều hoà KK	168.499	67,83		
Nhóm: Điện gia dụng	79.908	32,17		
Tổng	248.407	100		

2.5. Cơ cấu lợi nhuận gộp:

Sản phẩm	Năm 2009		Năm 2010	
	Giá trị Triệu đồng	Tỷ trọng (%)	Giá trị Triệu đồng	Tỷ trọng (%)
Nhóm: Điều hoà KK	8.312	67,1		



Sản phẩm	Năm 2009		Năm 2010	
	Giá trị Triệu đồng	Tỷ trọng (%)	Giá trị Triệu đồng	Tỷ trọng (%)
Nhóm: Điện gia dụng	4.076	32,9		
Tổng	12.388	100		

3. Định hướng phát triển của Công ty:

3.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

STT	Dự án	Dự kiến đầu tư ĐVT: Nghìn đồng
1	Đầu tư khai thác khoáng sản	85.000
2	Xây dựng nhà máy mới tại Gia Bình Bắc Ninh	500.000
3	Chuyển đổi mục đích sử dụng nhà máy cũ	100.000
4	Xây dựng khu nhà ở số 2 Nam tinh lộ 282	65.000
	Tổng vốn đầu tư	750.000

Các mục tiêu phát triển trong 03 năm sắp tới:

STT	Chỉ tiêu	2011	2012	2013
1	Doanh thu (Triệu đồng)	350.000	600.000	800.000
2	Lợi nhuận sau thuế (Triệu đồng)	20.000	35.000	60.000
3	EPS bình quân (Đồng)			
4	Vốn điều lệ (triệu đồng)	140.000	240.000	
5	Tỷ lệ trả cổ tức (%)	12%	13%	

3.2. Các mục tiêu trung và dài hạn:

- Tiếp tục đa dạng hóa các sản phẩm .



- Đầu tư công nghệ & nhân sự để nghiên cứu đưa vào sản xuất đa dạng điều hòa công suất lớn và ĐH trung tâm .
- Mở nhà máy lắp ráp tại thị trường phía nam.
- Đầu tư kinh doanh sản xuất, khai thác khoáng sản.
- Đảm bảo tăng trưởng thị phần từ 1,5 – 2% năm.
- Đẩy mạnh sản xuất O.E.M..

I. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Tỷ lệ % (2010/2009)
Doanh thu thuần (triệu đồng)	236.242	320.711	135.8%
Giá vốn hàng bán (triệu đồng)	192.654	264.301	137.2%
Lợi nhuận gộp (triệu đồng)	43.586	56.410	129.4%
Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	12.389	12.254	98.9%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	12.389	10.944	88.3%
EPS (đồng/cp)	1.239	994,9	80,3%
Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	125.562	136.444	108.7%
Tổng tài sản (triệu đồng)	211.578	276.619	130.7%

[BÌNH LUẬN]

Năm 2010, công ty có tốc độ tăng trưởng đáng kể: Tổng tài sản của Nagakwa tăng 30,7% so với năm 2009. Các chỉ tiêu khác của Công ty cũng đạt được những kết quả khả quan.

Trong năm 2010, do lạm phát tăng cao nên các khoản mục chi phí đầu vào: chi phí nguyên vật liệu, chi phí quản lý tăng rất nhanh dẫn đến giá thành sản phẩm của Công ty tăng cao. Trong khi đó, giá bán sản phẩm hầu như không tăng (do các chương trình giảm giá; khuyến mại và kịch cầu tiêu dùng), vì vậy lợi nhuận sau thuế của Công ty chỉ đạt gần **10,9** tỷ đồng giảm 1,4 tỷ đồng so với năm 2009.



Năm 2010, nhờ những tín hiệu khả quan của nền kinh tế Việt Nam, cùng với những nỗ lực của Công ty Doanh thu công ty tăng 37,2% đạt xấp xỉ 321 tỷ đồng. Tuy nhiên bên cạnh những chỉ tiêu tăng trưởng ấn tượng của công ty trong năm 2010, thì lợi nhuận sau thuế của công ty lại giảm 11,7% so với năm 2009. Lợi nhuận sau thuế của công ty giảm so với năm 2009 là do năm 2010 lạm phát tăng cao, người dân thắt chặt tiêu dùng cá nhân chính vì thế mà các sản phẩm đồ điện tử - điện gia dụng tiêu thụ chậm. Nagakawa phải thay đổi chính sách hoa hồng cho đại lý và thực hiện chính sách ký gửi hàng hóa ở nhiều đại lý phân phối, chi phí bán hàng năm 2010 tăng 74,5% so với năm 2009. Chính điều này đã làm cho lợi nhuận của công ty giảm so với năm 2009

Khép lại năm 2010 với nhiều biến động, bên cạnh nhiều khó khăn và thách thức. Nhưng nhờ sự linh động trong công tác quản lý cũng như phân phối sản phẩm, tỉ lệ tăng trưởng của công ty trong năm 2010 vừa qua vẫn ổn định.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2010	Thực hiện 2010	Tỷ lệ (TH/KH)
Doanh thu thuần (triệu đồng)	280.000	320.711	114,5%
Lợi nhuận sau thuế (Triệu đồng)	13.500	10.944	81%
EPS (Đồng)	1000	994,9	99,5%

[BÌNH LUẬN]

Năm 2010, vừa qua là một năm hết sức khó khăn đối với nền kinh tế của nước ta cũng như trên toàn thế giới, tuy nhiên nhờ sự sát sao trong công tác quản lý cũng như điều hành của Ban Lãnh Đạo công ty. Khép lại năm 2010 chỉ tiêu về doanh thu của Nagakawa đã đạt chỉ tiêu, và vượt 14,5% với so với kế hoạch đặt ra.

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm:

[BÌNH LUẬN] về những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới]

- Trong năm 2010 công ty đã tiến hành cơ cấu lại sản phẩm. Công ty tiến hành loại bỏ những mặt hàng có doanh số tăng yếu và tỷ lệ lợi nhuận thấp, thay vào đó là những sản phẩm mới phù hợp thị hiếu người tiêu dùng và có tỷ lệ lãi gộp cao. Mặt khác mặt bằng giá chi phí đầu vào năm 2010 có xu hướng giảm và ổn định, chi phí lãi vay phải trả giảm 50% tạo điều kiện cho Công ty tiết kiệm chi phí và hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy mặc dù tốc độ tăng doanh thu không cao nhưng lợi nhuận sau thuế của công ty tăng trưởng cao.



4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

Bước sang năm 2011, tình hình kinh tế có rất nhiều khó khăn và diễn biến phức tạp:

Tháng 02/2011, Ngân hàng nhà nước đã đột ngột tăng tỉ giá đồng Dollar lên 9,3%, so với năm 2010 đồng Dollar Mỹ tăng 18% ; lãi xuất VNĐ của các ngân hàng hiện nay đã tăng 20%/năm.

Các thảm họa động đất, sóng thần ở Nhật Bản và một số nước trên thế giới, cùng với những bất ổn chính trị ở Châu Phi và các nước Ả Rập đã làm giá dầu thế giới tăng nhanh. Trong khi đó, tại Việt Nam chính phủ đã không thực hiện chính sách bình ổn giá xăng dầu và giá điện mà được điều chỉnh theo cơ chế thị trường.

Lạm phát tăng nhanh , giá cả các mặt hàng thiết yếu tăng cao đã dẫn đến áp lực tăng lương rất lớn đối với công ty trong khi giá bán chưa tăng làm cho khó khăn lại thêm khó khăn.

Từ những đặc điểm tình hình trên, Hội đồng Quản trị xác định phương hướng hoạt động trong năm 2011 như sau:

Chỉ tiêu cụ thể:

Stt	Chỉ tiêu	Trị giá (VNĐ)	Tỉ lệ tăng (%)
1	Doanh thu:	380.000.000.000	113 %
2	Lợi nhuận sau thuế:	20.000.000.000	180 %



II. Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

- *Khả năng sinh lời :*

Các hệ số về khả năng sinh lời	Năm 2009	Năm 2010	Thay đổi 2010/2009
EBIT (đồng)	12.388.425.829	12.254.390.581	98,9%
ROE (%)	9,86	8,02	83,1%
Lợi nhuận sau thuế (đồng)	12.388.425.829	10.944.112.752	88,3%
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng)	1.239	994,9	80,3%

[BÌNH LUẬN]

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm 2010 đều giảm so với năm 2009. Năm 2010, là một năm đầy khó khăn với Nagakawa nói riêng và thị trường điện tử tiêu dùng Việt Nam nói chung. Cùng với sự cạnh tranh mạnh mẽ của các thương hiệu mới xuất hiện, cùng những dấu hiệu của lạm phát tăng cao làm ảnh hưởng đến tâm lý cũng như sức mua của người tiêu dùng. Chính các yếu tố kinh tế vĩ mô khách quan làm ảnh hưởng đến khả năng tiêu thụ các sản phẩm điện tử điện lạnh, là những nguồn doanh thu chủ yếu của một doanh nghiệp sản xuất điện tử gia dụng lớn như Nagakawa.

- *Khả năng thanh toán:*

Các hệ số về khả năng thanh toán	Năm 2009	Năm 2010
Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	1,91	1,68
Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,96	0,82

[BÌNH LUẬN]

Các hệ số thanh toán của công ty đều giảm so với năm 2009, điều này xuất phát do sự tăng đột biến về các tài sản ngắn hạn và nợ phải trả của công ty. Nguyên nhân của sự tăng đột biến này là do sự thay đổi về tỉ lệ hoa hồng cho đại lý của Nagakawa: tăng tỷ lệ % hoa hồng cho đại lý, thực hiện chính sách ký gửi các sản phẩm điện máy ở showroom và chính sách bán hàng trả tiền chậm. Bên cạnh các chính sách đó Nagakawa đã tiến hành đổi mới và đẩy mạnh tái cơ cấu lại

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010



nhà máy để sản xuất ra nhiều sản phẩm mới có nhiều tính năng ưu việt: tiết kiệm điện và thân thiện với môi trường hơn. Tuy nhiên, các chỉ số thanh toán hiện hành của Nagakawa vẫn ở trên 1, là một mức an toàn đối với các doanh nghiệp trong cùng ngành.

- *Những biến động - những thay đổi lớn trong năm 2010:* Năm 2010 đã chứng kiến nhiều biến động lớn theo chiều hướng tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Nagakawa Việt Nam.

Trong năm 2010, do lạm phát tăng cao nên các khoản mục chi phí đầu vào: chi phí nguyên vật liệu, chi phí quản lý tăng nhanh dẫn đến giá thành sản phẩm của Công ty tăng cao. Trong khi đó, giá bán sản phẩm hầu như không tăng, vì vậy Công ty chỉ đạt 10,9 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, và xấp xỉ 321 tỷ đồng doanh thu trong năm 2010. Doanh thu của công ty tăng 14,5% so với năm 2009, điều này chứng tỏ việc tiêu thụ sản phẩm của công ty trong năm 2010 vẫn tăng và thương hiệu Nagakawa về đồ điện tử và đồ gia dụng vẫn chiếm được phần lớn lòng tin của khách hàng. Lợi nhuận sau thuế của công ty giảm 11,7% so với năm 2010 là do chính sách khuyến khích bán sản phẩm cho đại lý: chi phí bán hàng năm 2010 tăng 74,5% so với năm 2009, chính điều này đã làm lợi nhuận của công ty giảm sút so với năm 2009.

Kết thúc năm 2010, nhờ tình hình kinh tế Việt Nam có nhiều tín hiệu khả quan cùng với nỗ lực của Công ty nên năm 2010 doanh thu thuần thực hiện đã tăng 35,8% so với năm 2009.

Ngoài ra, dưới tác động của chính sách nới lỏng tiền tệ, Công ty đã thuận lợi hơn trong việc tiếp cận nguồn vốn vay, đồng thời giúp công ty tiết kiệm chi phí tài chính. Do vậy, dù đến thời điểm 31/12/2010, số dư Vay và nợ ngắn hạn của Công ty là 129,8 tỷ đồng, tăng 69,4% so với cùng kỳ năm 2009, chi phí tài chính của công ty trong năm 2010 tăng 17,1% tương ứng với 2,225 tỷ đồng.

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010:

$$BV = \frac{\text{Tổng giá trị Tài sản} - (\text{Tài sản cố định vô hình} + \text{Nợ})}{\text{Số lượng cp đang lưu hành}} = 12.360 \text{ (đồng/cp)}$$

- Những thay đổi về vốn cổ đông/ vốn góp : Trong năm 2010 công ty tăng vốn cổ phần từ 100.000.000.000 VNĐ lên 110.000.000.000 VNĐ (Tức tăng 10 tỷ đồng tính theo mệnh giá cổ phiếu) thông qua việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10% (tương ứng mức vốn tăng thêm 10 tỷ đồng) Số cổ phiếu phát hành thêm trong cả hai đợt phát hành đã được niêm yết bổ sung trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại:

	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số cổ phiếu
Tại 31/12/2010	11.000.000	0	11.000.000
Tại 31/03/2011	13.500.000	0	13.500.000



- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...): Không có
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tính đến thời điểm ngày 11/03/2011 theo từng loại: Toàn bộ 13.500.000 cổ phiếu phổ thông của công ty đều đang được lưu hành
- Số lượng cổ phiếu quỹ: Không có.
- Cổ tức chi trả cho cổ đông: Công ty đã chi trả cổ tức năm 2009 với tỷ lệ 10% thông qua hình thức chi trả bằng cổ phiếu. Năm 2010, Công ty dự kiến cổ tức chi trả cho cổ đông ở mức 10% tính trên mệnh giá cổ phiếu

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm 2010	Số cuối năm 2010
1	Tổng tài sản (đồng)	211.578.096.244	276.619.491.701
2	Tài sản ngắn hạn (đồng)	146.806.427.653	218.196.702.448
3	Tài sản dài hạn (đồng)	64.771.668.591	58.422.789.253
4	Nợ phải trả (đồng)	86.015.560.169	137.594.251.833
5	Vốn chủ sở hữu (đồng)	125.562.536.075	136.444.686.698
6	Doanh Thu (đồng)	236.241.612.937	320.711.490.077
7	Giá vốn (đồng)	192.654.958.963	264.301.188.906
8	Lợi nhuận sau thuế (đồng)	12.388.425.829	10.944.112.752
9	EPS (đồng/cp)	1.239	994,9

Năm 2010, tài sản ngắn hạn của công ty tăng đột biến xấp xỉ 50% so với năm 2009. Điều này xuất hiện do định hướng phát triển mở rộng mạng lưới cũng như chính sách khuyến khích bán hàng của công ty. Năm 2010 vừa qua, là một năm vẫn còn nhiều khó khăn và biến động đối với nền kinh tế nước ta, lạm phát tăng cao đột biến khiến người dân thắt chặt chi tiêu tối đa. Điều này làm ảnh hưởng khá lớn đến khả năng tiêu thụ sản phẩm của Nagakawa, những mặt hàng chủ yếu là đồ điện tử gia dụng. Chính những khó khăn trên đã buộc công ty phải thay đổi chính sách hoa hồng cho đại lý: tăng tỷ lệ % hoa hồng và thực hiện chính sách bán hàng trả chậm, ký gửi hàng hóa.

Năm vừa qua, công ty Nagakawa cũng đã thành công trong việc đấu giá 2.500.000 cổ phiếu tương ứng với số tiền là 25 tỷ đồng, lượng vốn trên đã bổ sung được một phần vốn lưu động,



giúp Nagakawa mở rộng hoạt động sản xuất - kinh doanh, phần còn lại công ty đầu tư vào xây dựng văn phòng, nhà xưởng cải tạo thiết bị sản xuất phục vụ cho chiến lược phát triển dài hạn của công ty.

Nợ phải trả của công ty có tăng lên đáng kể, tuy nhiên luôn đảm bảo hệ số an toàn. Các chỉ số về khả năng thanh toán của công ty như đã nêu ở trên đều cho thấy tình hình tài chính lành mạnh của công ty.

Vốn chủ sở hữu của công ty: trong năm 2010 tăng từ 100 tỷ lên 110 tỷ là do trong năm 2010 công ty đã trả cổ tức bằng cổ phiếu 10%

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được:

[Bình luận về tiến bộ về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý, biện pháp kiểm soát]

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

[Chi tiết kế hoạch phát triển về ngành nghề kinh doanh, chính sách bán hàng, thị trường tiêu thụ...]

II. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Insert chi tiết Các báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

III. Bản giải trình Báo cáo tài chính và Báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập

1.1. Đơn vị kiểm toán độc lập

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán và Tư vấn A&C

Địa chỉ: 229 Đồng Khởi, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại Hà Nội: 40 Giảng Võ, Q. Đống Đa, Hà Nội

1.2. Ý kiến kiểm toán độc lập

Các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các chuẩn mực kế toán và hệ thống kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

1.2.1. Các nhận xét đặc biệt

Không có

2. Kiểm toán nội bộ

2.1. Ý kiến kiểm toán nội bộ

Không có

2.2. Các nhận xét đặc biệt



Không có

IV. Các công ty có liên quan

1. Công ty có trên 50% vốn cổ phần, công ty nắm giữ

- **Danh sách Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty CP Nagakawa Việt Nam: Không có.**
- **Danh sách những Công ty mà Công ty CP Nagakawa Việt Nam nắm giữ quyền kiểm soát:**
 - Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Nagakawa (Nagakawa IDT)
 - Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Nagakawa

2. Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan

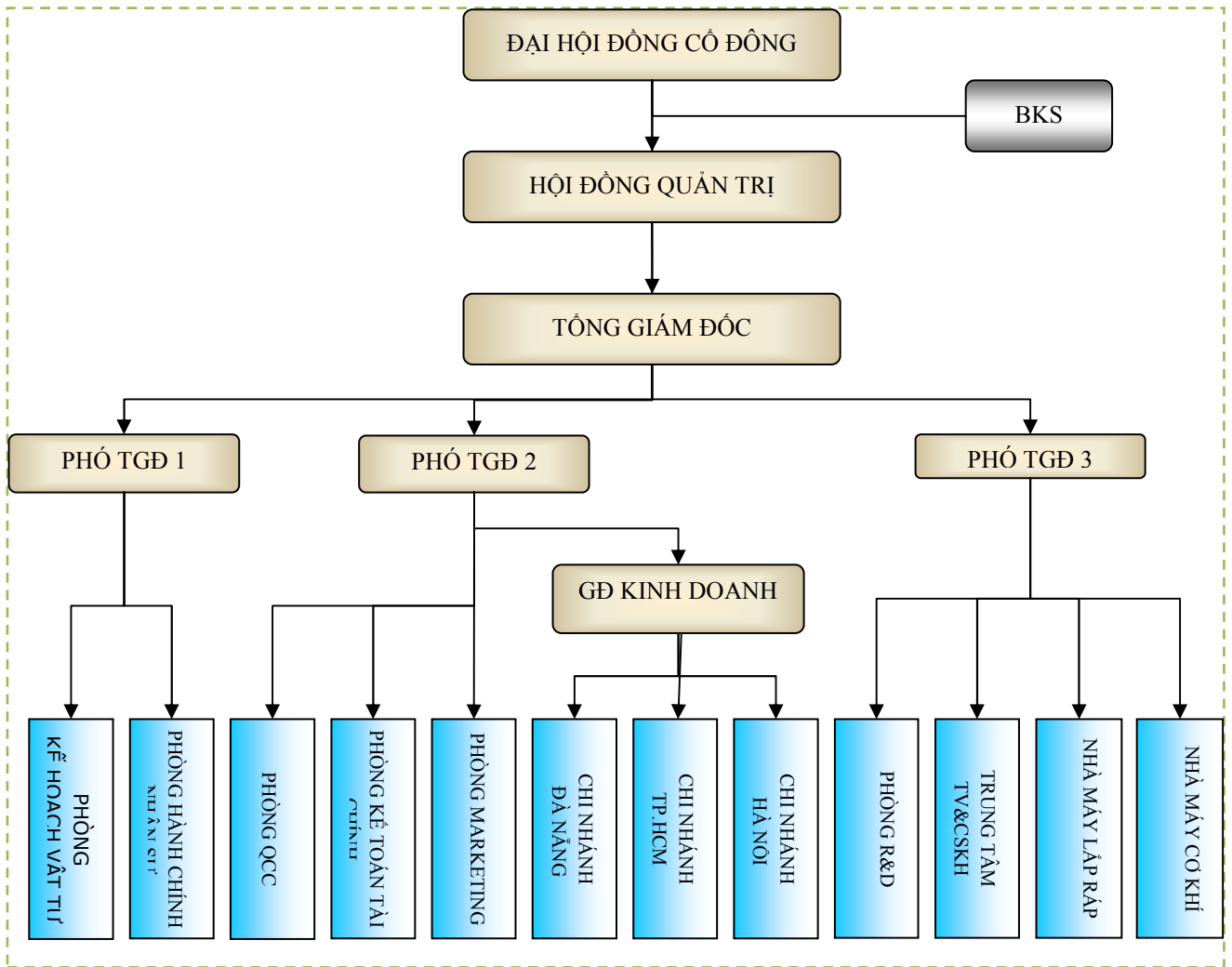
Không có

3. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan

Không có

V. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ:

1. Cơ cấu tổ chức bộ máy công ty:



**2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:****2.1. Tổng giám đốc: Ông Mai Thanh Phương**

- Họ và tên: Mai Thanh Phương
- Số CMND: 011401989 cấp ngày 30/03/2005 nơi cấp: HN
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 23/07/1971
- Nơi sinh: Hải Dương.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Thành phố Hải Dương.
- Địa chỉ thường trú: 17/117 Thái Hà – Quận Đống Đa – Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc cơ quan: 0211. 3873 568
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư mỏ địa chất, Cử nhân Quản trị doanh nghiệp.
- Quá trình công tác:
 - Từ 1995-1999: Công ty Seaprodex Quảng Ninh - Quản lý bán hàng thị trường tại khu vực phía Bắc
 - Từ 2000 - 2004 : Công ty TNHH Thương mại vận tải du lịch – Giám đốc
 - Từ 2005-2007: Công ty Cổ phần Điện gia dụng Nagakawa – Giám đốc
- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty.
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ : 2.320.000 cổ phần
 - Sở hữu cá nhân : 2.320.000 cổ phần
 - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : Không có
- Lợi ích liên quan đến Công ty : Không

**2.2. Phó Tổng Giám Đốc: Bà Đào Thị Soi**

- Họ và tên: Đào Thị Soi
- Số CMND: 012204877 cấp ngày 29/03/1999 nơi cấp:Hà Nội
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 30/08/1960
- Nơi sinh: Gia Bình – Bắc Ninh.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Gia Bình – Bắc Ninh.
- Địa chỉ thường trú: Phương Liệt – Thanh Xuân – Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc cơ quan: 0211.3873 568
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân.
- Quá trình công tác:
 - Từ 1981 – 1986 : Giáo viên trường THCS Trung Chính - Bắc Ninh
 - Từ 1987 – 2006 : Giáo viên trường THCS Hữu Hoà - Hà Nội
 - Từ 2007 – 2008 : Trưởng phòng QCC – CTCP Nagakawa Việt Nam
- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ công ty.
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH Phát triển Kinh tế quốc tế Anh Vũ
- Số cổ phần nắm giữ
 - : 50.000 cổ phần
 - Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
 - Đại diện sở hữu : 50.000 cổ phần(đại diện cho Công ty TNHH Phát triển kinh tế Quốc tế Anh Vũ)
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ
1	Nguyễn Đức Khả	Chồng	4.680.000 cổ phần



2	Nguyễn Thị Huyền Thương	Con	100.000 cổ phần
---	-------------------------	-----	-----------------

2.3. Phó Tổng Giám Đốc : Ông Nguyễn Hồng Điệp

- Họ và tên: Nguyễn Hồng Điệp
- Số CMND: 012971694 cấp ngày 03/07/2007 nơi cấp: Hà Nội
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 15/01/1977
- Nơi sinh: Mê Linh – Vĩnh Phúc
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Đại Thịnh – Mê Linh – Vĩnh Phúc
- Địa chỉ thường trú: Tập thể Viện KHVN, Tổ 19, Nghĩa Đô, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc cơ quan: 0211. 3873 568
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Ngân hàng.
- Quá trình công tác:
 - Từ 2000 – 2002 Trưởng phòng XNK Công ty TNHH Anh Vũ
 - Từ 2002 – 2007 Trưởng phòng Kế toán – Tài chính Cty Liên danh Nagakawa Việt Nam
 - Từ 2007 – nay Phó TGD kiêm Thành viên HĐQT CTCP Nagakawa Việt Nam
- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD công ty
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ : 11.000 cổ phần
 - Sở hữu cá nhân : 11.000 cổ phần
 - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : Không

**3. Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm:**

Không

4. Quyền lợi của ban Tổng Giám đốc:

[tiền lương; thưởng của Ban Tổng giám đốc và các quyền khác của ban Tổng Giám đốc]

5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách với người lao động:

Tiêu chí	Số lượng
Đại học, trên Đại học	120
Cao đẳng	70
Trung cấp, Công nhân kỹ thuật	153
Phổ thông trung học	107
Tổng cộng	450

6. Thay đổi thành viên HĐQT; Chủ tịch; Ban Tổng Giám Đốc; Ban kiểm soát; kế toán trưởng: Không**VI. Thông tin về thành viên HĐQT công ty:****1. Hội đồng quản trị và kiểm soát viên:**

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Nguyễn Đức Khả	02/12/1959	012567067	Chủ tịch HĐQT
2	Mai Thanh Phương	23/07/1971	011401989	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3	Đào Thị Soi	30/08/1960	012204877	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
4	Nguyễn Thị Huyền Thương	13/10/1983	012142742	Thành viên HĐQT
5	Nguyễn Hồng Điệp	15/01/1977	012971694	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

1.1 Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Ông Nguyễn Đức Khả



- Họ và tên : Nguyễn Đức Khả
- Số CMND: 012567067 cấp ngày 08/02/2007 Nơi cấp: Hà Nội
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 02/12/1959
- Nơi sinh: Phá Lãng – Lương Tài – Bắc Ninh.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Phá Lãng – Lương Tài – Bắc Ninh.
- Địa chỉ thường trú: Phương Liệt – Thanh Xuân – Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc: 0211.3873 568
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân.
- Quá trình công tác:
 - Từ 1981 đến 1984: Sở Văn Hoá Hà Bắc
 - Từ 1984 đến 1992: Phòng Văn hoá huyện Gia Lương - Bắc Ninh
 - Từ 1993 đến 2000: Phó Giám đốc – Công ty XNK Bách Hoá Hà Nội
 - Từ 2001 đến 2002: Giám đốc Công ty TNHH Phát triển kinh tế Quốc tế Anh Vũ
 - Từ 2002 đến 2010: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Nagakawa Việt Nam
- Chức vụ hiện nay tại công ty: Chủ tịch HĐQT.
- Số cổ phần nắm giữ(đến thời điểm 11/03/2011) : 4.680.000 cổ phần.
 - Trong đó: + Sở hữu cá nhân : 4.680.000 cổ phần.
 - + Đại diện sở hữu : 0 cổ phần.
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan :



STT	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ
1	Đào Thị Soi	Vợ	50.000 cổ phần (<i>đại diện cho Công ty TNHH Phát triển kinh tế Quốc tế Anh Vũ</i>)
2	Nguyễn Thị Huyền Thương	Con	100.000 cổ phần

1.2 Thành viên HĐQT – Ông Mai Thanh Phương

- Họ và tên: Mai Thanh Phương
- Số CMND: 011401989 cấp ngày 30/03/2005 nơi cấp: Hà Nội
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 23/07/1971
- Nơi sinh: Hải Dương.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Thành phố Hải Dương.
- Địa chỉ thường trú: 17/117 Thái Hà – Quận Đống Đa – Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc cơ quan: 0211. 3873 568
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư mỏ địa chất, Cử nhân Quản trị doanh nghiệp.
- Quá trình công tác:
 - Từ 1995-1999: Công ty Seaprodex Quảng Ninh - Quản lý bán hàng thị trường tại khu vực phía Bắc
 - Từ 2000 - 2004 : Công ty TNHH Thương mại vận tải du lịch – Giám đốc
 - Từ 2005-2007: Công ty Cổ phần Điện gia dụng Nagakawa – Giám đốc
- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty.
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ (đến thời điểm 11/03/2011) : 2.320.000 cổ phần
 - Sở hữu cá nhân : 2.320.000 cổ phần
 - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không



- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : Không có
- Lợi ích liên quan đến Công ty: Không

1.3 Thành viên HĐQT – Bà Đào Thị Soi

- Họ và tên : Đào Thị Soi
- Số CMND: 012204877 cấp ngày 29/03/1999 nơi cấp: Hà Nội
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 30/08/1960
- Nơi sinh: Gia Bình – Bắc Ninh.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Gia Bình – Bắc Ninh.
- Địa chỉ thường trú: Phương Liệt – Thanh Xuân – Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc cơ quan: 0211.3873 568
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân.
- Quá trình công tác:
 - Từ 1981 – 1986 : Giáo viên trường THCS Trung Chính - Bắc Ninh
 - Từ 1987 – 2006 : Giáo viên trường THCS Hữu Hoà - Hà Nội
 - Từ 2007 – 2008 : Trưởng phòng QCC – CTCP Nagakawa Việt Nam
- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ công ty.
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH Phát triển Kinh tế quốc tế Anh Vũ
- Số cổ phần nắm giữ (đến thời điểm 11/03/2011) : 50.000 cổ phần
 - Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
 - Đại diện sở hữu : 50.000 cổ phần(đại diện cho Công ty TNHH Phát triển kinh tế Quốc tế Anh Vũ)
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:



STT	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ
1	Nguyễn Đức Khả	Chồng	4.680.000 cổ phần
2	Nguyễn Thị Huyền Thương	Con	100.000 cổ phần

1.4 Thành viên HĐQT – Ông Nguyễn Hồng Điệp

- Họ và tên: Nguyễn Hồng Điệp
- Số CMND: 012971694 cấp ngày 03/07/2007 nơi cấp: Hà Nội
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 15/01/1977
- Nơi sinh: Mê Linh – Vĩnh Phúc
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Đại Thịnh – Mê Linh – Vĩnh Phúc
- Địa chỉ thường trú: Tập thể Viện KHVN, Tổ 19, Nghĩa Đô, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc cơ quan: 0211. 3873 568
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Ngân hàng.
- Quá trình công tác:
 - Từ 2000 – 2002: Trưởng phòng XNK Công ty TNHH Anh Vũ
 - Từ 2002 – 2007: Trưởng phòng Kế toán – Tài chính Cty Liên danh Nagakawa Việt Nam
 - Từ 2007 – nay: Phó TGD kiêm Thành viên HĐQT CTCP Nagakawa Việt Nam
- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD công ty
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ (đến thời điểm 11/03/2011):

Sở hữu cá nhân	:	11.000 cổ phần
Đại diện sở hữu	:	0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không



- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : Không

1.5 Thành viên HĐQT – Bà Nguyễn Thị Huyền Thương

- Họ và tên: Nguyễn Thị Huyền Thương
- Số CMND: 012142742 cấp ngày 26/10/2006 nơi cấp: Hà Nội
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 13/10/1983
- Nơi sinh: Phá Lãng – Lương Tài – Bắc Ninh.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Phá Lãng – Lương Tài – Bắc Ninh.
- Địa chỉ thường trú: Phương Liệt – Thanh Xuân – Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc cơ quan: 0211. 3873 568
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ
- Quá trình công tác:
 - Từ 2004 – nay: Nhân viên phòng Hành chính CTCP Nagakawa Việt Nam
- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT CTCP Nagakawa Việt Nam
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Không
- Số cổ phần nắm giữ (đến thời điểm 11/03/2011) : 100.000 cổ phần
 - Sở hữu cá nhân : 100.000 cổ phần
 - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan :

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ
1	Nguyễn Đức Khả	Cha	4.680.000 cổ phần
2	Đào Thị Soi	Mẹ	50.000 cổ phần (đại diện cho Công ty TNHH Phát triển kinh tế Quốc tế Anh Vũ)

**2. Thành viên Ban kiểm soát:**

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Trần Diệu Linh	12/10/1960	012795391	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Phạm Tiến Dũng	25/06/1981	125048443	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Nguyễn Thị Ngọc Lan	18/09/1982	012753871	Thành viên Ban Kiểm soát

2.1 Trưởng Ban kiểm soát – Bà Trần Diệu Linh:

- Họ và tên: Trần Diệu Linh
- Số CMND: 012795391 cấp ngày 03/07/2007 nơi cấp: Hà Nội
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 12/10/1960
- Nơi sinh: Thành phố Bắc Giang – Tỉnh Bắc Giang.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Kim Bảng – Hà Nam
- Địa chỉ thường trú: 36/178/1 phố Thái Hà, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 098 768 1818
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tiếng Anh
- Quá trình công tác:
 - Từ ... - ... : Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Bắc : Giáo viên tiếng Anh
 - Từ ... - ... : Công ty Liên doanh Toyota TC Hà Nội : Trợ lý Giám đốc kỹ thuật, trưởng trung tâm dịch vụ khách hàng
- Chức vụ hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP SX – TM Nagakawa.
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.
- Số cổ phần nắm giữ (đến thời điểm 11/03/2011)
 - Sở hữu cá nhân : 3.000 cổ phần
 - Sở hữu cá nhân : 3.000 cổ phần
 - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không



- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : Không

2.2 Thành viên Ban kiểm soát – Ông Phạm Tiến Dũng:

- Họ và tên : Phạm Tiến Dũng
- Số CMND: 125048443 cấp ngày 04/01/2008 nơi cấp: Bắc Ninh
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 25/06/1981
- Nơi sinh: Thị trấn Thứa – Lương Tài – Bắc Ninh.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Thị trấn Thứa – Lương Tài – Bắc Ninh.
- Địa chỉ thường trú: Phố Nguyễn Chính - Tân Mai – Hoàng Mai – Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc cơ quan: 0211. 3873 568
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ 2004 – 2005 : Nhân viên Kế toán Công ty Liên doanh Nagakawa Việt Nam
 - Từ 2005 – nay : Phó phòng Kế hoạch Vật tư – CTCP Nagakawa Việt Nam
- Chức vụ hiện nay : Thành viên Ban kiểm soát CTCP Nagakawa Việt Nam.
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ (đến thời điểm 11/03/2011) : 9.400 cổ phần
 - Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
 - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không

2.3 Thành viên Ban kiểm soát – Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan:

- Họ và tên : Nguyễn Thị Ngọc Lan
- Số CMND: 012753871 cấp ngày 25/02/2005 nơi cấp: Hà Nội



- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 18/09/1982
- Nơi sinh: Hải Dương.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Kim Môn – Hải Dương.
- Địa chỉ thường trú: Tập thể Cầu Bươu – Thanh Liệt – Thanh Trì – Hà Nội
- Điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0211. 3873 568
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kế toán
- Quá trình công tác:
 - Từ 2002 - 2007 : CTCP Điện gia dụng Nagakawa – Nhân viên phòng Hành chính
 - Từ 06/2008 - nay : CTCP Cơ điện lạnh Hoàn Kiếm - Nhân viên phòng Hành chính
- Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Nagakawa Việt Nam.
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ (đến thời điểm 11/03/2011) : 0 cổ phần
 - Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
 - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : Không

3. Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Huy Thị Dung	01/6/1979	142157965	Kế toán trưởng

- Họ và tên: Huy Thị Dung
- Số CMND: 111476379 cấp ngày 26/5/1997 nơi cấp: Hà Tây
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 01/6/1979
- Nơi sinh: Thanh Oai, Hà Tây



- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thanh Oai, Hà Tây
- Địa chỉ thường trú: SN 69 tổ dân phố 15 phường Kiến Hưng quận Hà Đông Hà Nội.
- Điện thoại liên lạc ở cơ quan : 0211 3873568 - 224
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ 2001 - 2005 : CTCP Lucky Star – Kế toán trưởng
 - Từ 2006 - 2007 : CTCP Nagakawa Việt Nam – Kế toán trưởng
 - Từ 2008 – 2010 : CTCP Nagakawa Việt Nam Chi nhánh Hà Nội – Kế toán trưởng.
- Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng CTCP Nagakawa Việt Nam.
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : Không
- Lợi ích liên quan đến Công ty: Không

4. Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2010, HĐQT đã họp 2 lần, thông qua một số vấn đề chính sau:

- + Thông qua kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2010
- + Thông qua ...
- + Thông qua kế hoạch chi tiết chi trả cổ tức bằng cổ phiếu
- + Thông qua kế hoạch chi tiết đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng thông qua hình thức đấu giá.

**5. Hoạt động của Ban kiểm soát****6. Thù lao; các lợi ích của HĐQT/BKS;****7. số lượng thành viên HĐQT/BKS đã có chứng chỉ đào tạo về quản lý công ty.****8. Thông tin về giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của các thành viên HĐQT/BKS****9. Thống kê về cổ đông và các thành viên góp vốn:****9.1. Cổ đông góp vốn Nhà Nước: (không có)****9.2. Cổ đông sáng lập (tính đến thời điểm 11/03/2011):**

ST T	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số cổ phần sở hữu	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Đức Khả	Số nhà 411 – Tổ 24C – Phường Phương Liệt – Quận Thanh Xuân – Hà Nội	012567067	4.680.000	46.800	42,51
2	Mai Thanh Phương	Số nhà 69 – Ngõ 97 – Đường Nguyễn Chí Thanh – Đống Đa – HN	011401989	2.320.000	3.200	21,08
3	Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	Số nhà 44 – Phố Hàng Bún – Phường Nguyễn Trung Trực – Ba Đình – Hà Nội	0102001498	50.000	500	0,45
4	Nguyễn Thị Huyền Thương	Số nhà 411 – Tổ 24C – Phường Phương Liệt – Thanh Xuân – Hà Nội	012142742	100.000	1.000	0,9
	Tổng cộng			10.242.492	102.424	64,95

Những biến động về sở hữu của cổ đông sáng lập trong năm 2010:

9.3. Cổ đông nước ngoài: [số liệu căn cứ trên file excel TTLK cấp ngày 11/03/2011)



	Số lượng	Tổng số cổ phần	Tỉ lệ
Cá nhân	11 cá nhân	33.140 cổ phần	0.245%
Tổ chức	1 tổ chức	3.500 cổ phần	0.025%
Tổng	12	36.640 cổ phần	0.27%

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2011

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM